

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hòa Thuận
2. Ông Lê Văn Được

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tống Thị Minh Nh, sinh năm 1989, có mặt.

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Lê Minh C, sinh năm 1986, có mặt.

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; nguyên đơn chị Tống Thị Minh Nh trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Lê Minh C cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã H, huyện C. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Lê Phúc Minh Th, sinh ngày 16/02/2012. Thời gian đầu cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến giữa năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh C thường hay ghen tuông vô cớ, mọi sinh hoạt hằng ngày chị đều lệ thuộc vào anh C, chị không thể chụi đựng được. Nay tự thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị

yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh C.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Lê Phúc Minh Th, sinh ngày 16/02/2012, hiện đang sống chung với tôi và anh C; tôi yêu cầu xin được nuôi không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; bị đơn anh Lê Minh C trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh thống nhất lời trình bày của chị Nhanh về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có sự hiểu lầm với nhau trong cuộc sống có thể khắc phục được. Nay anh xin được đoàn tụ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nh.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Lê Phúc Minh Th, sinh ngày 16/02/2012, hiện đang sống chung với vợ chồng; anh yêu cầu xin được nuôi và không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh không còn yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Tổng Thị Minh Nh được ly hôn với anh Lê Minh C; về con chung: Chị Nh được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Lê Phúc Minh Th, sinh ngày 16/02/2012; Về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Tổng Thị Minh Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phản kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[2] *Về hôn nhân*: Chị Tổng Thị Minh Nh và anh Lê Minh C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Nh và anh C là hợp pháp.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Nh trình bày mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là do bất đồng quan điểm, thiếu lòng tin với nhau, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết xin được ly hôn với anh C. Phía anh C trình bày mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn trong cuộc sống, nhưng có thể khắc phục được anh yêu cầu xin được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Xét thấy hạnh phúc vợ chồng chỉ thật sự đạt được khi cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc chung trong gia đình và phải biết tôn trọng, quan tâm, tin tưởng nhau, nhưng giữa anh chị không có lòng tin với nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn. Qua trình giải quyết Tòa án cũng tạo điều kiện cho anh chị có thời gian suy nghĩ để hàn gắn, nhưng chị Nh vẫn kiên quyết xin ly hôn. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nh là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với yêu cầu xin được đoàn tụ của anh C Hội đồng xét xử xét thấy không thỏa mãn được.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Nh và anh C có 01 con chung tên Lê Phúc Minh Th, sinh ngày 16/02/2012. Xét cháu Minh Th là con gái còn đang ở tuổi chưa hoàn thiện trong phát triển tâm sinh lý, rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ để đảm bảo hơn cho cháu về tất cả mọi mặt trong cuộc sống, hơn nữa cháu Minh Th cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ nên chấp nhận để chị Nh được nuôi con chung theo nguyện vọng của con là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[5] *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Tổng Thị Minh Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Tổng Thị Minh Nh được ly hôn với anh Lê Minh C.

2. *Về nuôi con chung*: Chị Tổng Thị Minh Nh được nuôi con tên Lê Phúc Minh Th, sinh ngày 16/02/2012.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

4. *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

5. *Về án phí*: Chị Tổng Thị Minh Nh phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) chị Nh đã nộp theo biên lai số 0002231 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

6. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Mai